TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 260/2024/QĐST-DS	*C, ngày 18 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 470/2024/TLST- DS ngày 24 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở chính: số a, khu đô thị mới M, huyện T, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Nh, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C (Theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-HĐTV-PC ngày 01/12/2022).

Địa chỉ Chi nhánh: số b khóm c, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: ấp MH, xã ĐM, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vào ngày 10/12/2024, ông Nguyễn Văn Nh đại diện nguyên đơn Ngân hàng N có đơn tự nguyện rút phần yêu cầu đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1955, địa chỉ: ấp MHp, xã ĐM, huyện C, tỉnh Trà Vinh và chỉ tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T. Ông T thống nhất việc Ngân

hàng rút phần yêu cầu đối với bà C. Nên Tòa án đình chỉ phần yêu cầu của Ngân hàng đối với bà C.

- ***Về số tiền phải trả***: Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 7411-LAV-2021.05920 ngày 03/12/2021, với tổng số tiền tính đến hết ngày 10/7/2024 là **271.401.095đ (Hai trăm bảy mươi mốt triệu bốn trăm lẻ một nghìn không trăm chín mươi lăm đồng)** [Gồm: Nợ gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Nợ lãi 71.401.095đ (Bảy mươi mốt triệu bốn trăm lẻ một nghìn không trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 11/7/2024, ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký xác lập với nhau cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng N. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay vốn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng đã cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- ***Về thời gian trả tiền***: Ông Nguyễn Văn Nh đại diện Ngân hàng N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện thỏa thuận thời gian trả tiền do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:***

Ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ông được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.392.500đ (Ba triệu ba trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng), do có đơn đề nghị miễn án phí vì là cá nhân thuộc hộ cận nghèo (Theo Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo được Ủy ban nhân dân xã ĐM xác nhận ngày 03/01/2024) và được Tòa án chấp nhận. Nên ông T còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.392.500đ (Ba triệu ba trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.785.000đ (Sáu triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0004630 ngày 21/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Thảo